

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 16/2023/QLDA-KVD ngày 17/4/2023 của Công ty TNHH KVD Vina “Về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất lông mi nhân tạo KVD”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 99/TTr-STNMT ngày 20 / 4 /2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH KVD Vina, địa chỉ tại số 03 đường số 4, Cụm công nghiệp Tân An, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất lông mi nhân tạo KVD” tại Cụm công nghiệp Tân An, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất lông mi nhân tạo KVD”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 03 đường số 4, Cụm công nghiệp Tân An, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp 6001716799, do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/3/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 6001716799.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất lông mi nhân tạo.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Tổng diện tích Dự án là 16.605,03 m² (Thuê lại của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Hồng Lĩnh theo hợp đồng cho thuê lại đất số 22A/HĐCTLĐ-TA2 ngày 15/4/2021 và Phụ lục hợp đồng số 22A.1/PLHĐ-TA2 ngày 14/12/2022).

- Quy mô xây dựng các hạng mục công trình:

+ Các hạng mục công trình hiện hữu, cải tạo có tổng diện tích là 8.401,79 m², gồm: Nhà xưởng, nhà điều hành, nhà ăn, nhà bảo vệ, trạm điện, nhà xe, đơn nguyên số 01 của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án, đường giao thông và sân bãi, hồ nước ngầm.

+ Các hạng mục xây dựng mới có tổng diện tích là 8,203.24 m², gồm: Nhà xưởng + văn phòng; hành lang thoát hiểm; đơn nguyên số 02 của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án; nhà chứa chất thải rắn và chất thải nguy hại, khu vực cây xanh.

- Quy mô, công suất: Sản xuất, gia công lông mi nhân tạo với công suất 2.500.000 cặp/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (tóc) → Lula tóc → Chặt tóc → Cuốn tóc → Sấy tóc → Dán lên vĩ → Kiểm hàng → Đóng gói sản phẩm → Lưu kho, xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH KVD Vina.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH KVD Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định

của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng giao thông Hồng Lĩnh phối hợp, thực hiện các trách nhiệm đối với Dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- Công ty CPĐT&XDGT Hồng Lĩnh
(Đ/c: Số 24 đường số 10, KBT Sông Ông Lớn,
X. Bình Hưng, H. Bình Chánh, TP. HCM);
- Công ty TNHH KVD
(Đ/c: Số 03 đường số 4, CCN Tân An, TP.
Buôn Ma Thuột);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07B)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng hiện hữu, cải tạo.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà xưởng, văn phòng xây dựng mới.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 180 m³/ngày đêm) xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Tân An.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga thu nước mưa trên đường số 4 Cụm công nghiệp Tân An, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰30', múi chiếu 3⁰): X = 0454102, Y = 1407653.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm vào mương thoát nước (kích thước 300 x 500mm, dài 15m) → Hệ thống ống PVC D200 (chiều dài 14 m) → Hồ ga thu nước mưa (kích thước 1000 x 1000 x 820 mm) trên đường số 4 Cụm công nghiệp Tân An.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải: Bơm, tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Tân An phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải

sinh hoạt (Cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (thu gom theo đường ống PVC D114mm) → Bể tự

hoại 3 ngăn → Đường ống PVC (D168mm, D200mm) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 01, 02, 04) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Số lượng: 05 bể tự hoại, gồm: Bể tự hoại 01 (thể tích 5,28 m³); bể tự hoại 02 (thể tích 5,28 m³); bể tự hoại 03 (thể tích 9,6 m³); bể tự hoại 04 (thể tích 19,2 m³); bể tự hoại 05 (thể tích 7,68 m³)

1.2.2. Bể tách dầu mỡ (xử lý sơ bộ nước thải từ bếp ăn)

- Nước thải sinh hoạt (từ nguồn số 03) → Ngăn 01 → Ngăn 02 → Ngăn 03 → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Số lượng: 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 1,44 m³).

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có tổng công suất thiết kế là 180 m³/ngày.đêm, bao gồm 02 đơn nguyên, sử dụng chung Bể thu gom, Bể trung gian, Cột lọc áp lực và Bể khử trùng.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1,0) → Hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Tân An.

+ Đơn nguyên số 01 gồm các bể: Bể thu gom (02 bể, thể tích mỗi bể là 3,276 m³); Bể điều hòa (thể tích 17,64 m³); Bể thiếu khí (thể tích 9,576 m³), Bể MBBR (thể tích 5,985 m³); Bể Aerotank (thể tích 9,576 m³); Bể lắng (thể tích 18,522 m³); Bể trung gian (thể tích 4,032 m³); Bể khử trùng (thể tích 2,52 m³).

+ Đơn nguyên số 02 gồm các bể: Bể điều hòa (thể tích 24,696 m³); Bể thiếu khí (thể tích 24,696 m³), Bể MBBR (thể tích 3,276 m³); Bể Aerotank (thể tích 68,796 m³); Bể lắng (thể tích 24,696 m³).

- Công suất thiết kế: 180 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Javel, Methanol (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 phần A của Phụ lục này).

- Bố trí 01 đường ống chờ (PVC D200mm, chiều dài 14m), để đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Tân An 2 sau khi hệ thống này được xây dựng hoàn thiện và đi vào vận hành.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối

tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí đầy đủ thiết bị dự phòng, đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của hệ thống để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục. Trường hợp nước thải sau xử lý không đảm bảo tiêu chuẩn quy định, tạm ngưng hoạt động sản xuất tại Dự án để tiến hành kiểm tra và khắc phục ngay sự cố của hệ thống. Dự án chỉ được đi vào vận hành lại sau khi đã khắc phục xong sự cố và hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại.

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống, theo dõi tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Bố trí nhân viên chuyên trách theo dõi, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án (công suất 180 m³/ngày.đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung (trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của Cụm công nghiệp Tân An 2).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này):

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH KVD Vina phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.2 phần A của phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận

hành ổn định công trình xử lý nước thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty TNHH KVD Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

Nguồn số 01: Hoạt động của các thiết bị, máy móc (máy bơm, máy thổi khí...) tại hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi giờ 3⁰)

Khu vực hệ thống xử lý nước thải: Tọa độ: X = 0454119, Y = 1407655.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn phải được kê đế cao su chống ồn.

- Bố trí khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải cách xa khu nhà xưởng sản xuất, các bể của hệ thống được xây dựng ngầm dưới đất để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	12
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	17
3	Dầu thải động cơ, dầu bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	10
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
	Tổng			49

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Chất thải phải xử lý gồm: Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh với khối lượng khoảng 37.470 kg/tháng; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh với khối lượng khoảng 491,8 kg/tháng; nguyên liệu thừa (tóc vụn) và sản phẩm hỏng phát sinh với khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng.

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: Thùng carton hỏng, bao bì đựng nguyên liệu và bao bì đóng gói sản phẩm bị hỏng, ... phát sinh với khối lượng khoảng 1,331 kg/tháng.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt tại Dự án gồm: chất thải thực phẩm (vỏ trái cây, phần loại bỏ của hoa quả, thực phẩm thừa...) và chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng (vỏ đồ hộp, bao bì nhựa, thủy tinh...) phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên tại Dự án. Khối lượng phát sinh khoảng 1.600 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Bố trí 04 thùng chứa (loại 30 lít, có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại theo quy định).

2.1.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại:

- Xây dựng kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại có diện tích là 11 m² (Kích thước: 4m x 2,75m), đặt tại khu vực phía Bắc Dự án (sau khu vực nhà ăn hiện hữu).

- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng gạch cao, nền xi măng chống thấm có mái che, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom, lưu chứa tại các bể xử lý định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng để vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom xử lý 06 tháng/lần.

- Bố trí 05 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) để lưu chứa chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất như nguyên liệu thừa (tóc vụn), sản phẩm hỏng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích là 19,5 m² (Kích thước: 4m x 4,875m), đặt tại khu vực phía Bắc Dự án (sau khu vực nhà ăn hiện hữu).

- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng gạch cao, nền xi măng chống thấm, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí 06 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực chức năng của Dự án như văn phòng, nhà xưởng sản xuất, nhà ăn, ... và 04 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực đường bộ, sân bãi dọc tuyến đường nội bộ. Cuối mỗi ngày công nhân phụ trách vệ sinh sẽ thu gom về 05 thùng chứa (loại 120 lít, có nắp đậy kín) đặt tại kho lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt:

- Xây dựng kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích là 19,5 m² (Kích thước: 4m x 2,875m), đặt tại khu vực phía Bắc Dự án (tiếp giáp kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường).

- Kết cấu kho lưu chứa: Xây tường bao quanh bằng thạch cao, nền xi măng chống thấm, có mái che.

3. Hoạt động xử lý, tái sử dụng chất thải:

- Đối với chất thải nguy hại: Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Đông Phương để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý với tần suất là 03 lần/tuần (theo Hợp đồng số 70/2023/HĐ/DV ngày 31/12/2022 V/v thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt).

- Đối với chất thải rắn có thể tái chế: Ký hợp đồng với đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn để thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2. Công ty TNHH KVD Vina có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.